

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	01
2. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	02 – 05
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	06 – 07
4. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	08 – 11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	13 – 14
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	15 – 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Otran Logistics (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Otran Logistics (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) đã được kiểm toán.

1. Thông tin chung về Tập đoàn

Công ty Cổ phần Otran Logistics hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502233726 ngày 09 tháng 09 năm 2013, thay đổi lần gần nhất (lần thứ 03) ngày 11 tháng 08 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ của Công ty (theo Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần gần nhất) là 500.000.000.000 (năm trăm tỷ đồng).

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại; Cho thuê nhà ở; Cho thuê kho bãi, đỗ xe; Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê nhà có trang bị đặc biệt (phòng hòa nhạc, nhà hát, hội trường, phòng cưới, ...); Kinh doanh dịch vụ chợ và quản lý trung tâm thương mại;
- Xay xát và sản xuất bột thô (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (trừ chế biến bột cá) (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, công nghiệp; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; Mua bán vật tư, máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dầu khí, ngành hàng hải;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ kiểm đếm, cân, đo, lấy mẫu hàng hóa; Đại lý khai thuế hải quan. Đại lý vận tải hàng hóa đường biển. Dịch vụ bao gói hàng hóa; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ cung ứng tải biển;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Chế biến và bảo quản rau quả (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Các công ty con, cháu:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Ngày kiểm soát công ty con</u>
Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai	Cụm Công nghiệp Dốc 47, xã Tam Phước, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	97,00%	97,00%	25/08/2015
Công ty Cổ phần Otran Logistics Miền Bắc	Khu Công nghiệp Cái Lân, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	90,00%	90,00%	01/06/2015
Công ty Cổ phần Song Kim Lộc (công ty con của Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai)	C4, đường 3, khu xưởng KIZUNA 2, Lô B4-3-7-8, KCN Tân Kim, ấp Tân Phước, Xã Tân Kim, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An	96,03%	99,00%	15/04/2016

2. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị Công ty trong năm đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Trần Đức Tuân	Chủ tịch
- Ông Trần Văn Toàn	Phó Chủ tịch
- Ông Trần Thanh Vinh	Thành viên
- Ông Nguyễn Khánh	Thành viên
- Bà Trần Thị Thu Thủy	Thành viên

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Đoàn Xuân Khánh Quyên	Trưởng ban
- Ông Võ Xuân Cử	Phó ban kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động của Công ty trong năm đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Trần Đức Tuân	Tổng giám đốc
- Ông Phạm Văn Trường	Phó Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Khánh	Phó Tổng giám đốc
- Ông Đặng Văn Nghĩa	Phó Tổng giám đốc

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

4. Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 46).

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau năm tài chính

Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

7. Xác nhận của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng giám đốc



Trần Đức Tuân
Tổng giám đốc

Số: 58 /2017/BCKT-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Otran Logistics được lập ngày 30 tháng 03 năm 2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày từ trang 08 đến trang 46 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Otran Logistics chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Otran Logistics có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xem xét của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư khoản trả trước cho Công ty Cổ phần Otran Miền Nam là 46.744.433.894 đồng (xem tại thuyết minh V.4 "Trả trước cho người bán"). Đến ngày phát hành Báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ cơ sở để ghi nhận khoản ứng trước này. Do đó, chúng tôi không có cơ sở để đánh giá tính hợp lý của khoản ứng trước cho người bán nêu trên.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Otran Logistics, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Dương Thị Thảo
Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0162-2015-242-1



Trương Quang Trung
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1752-2015-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B01-HN/DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		369.561.309.207	520.172.699.092
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.371.684.310	38.482.742.856
1. Tiền	111		4.751.684.310	32.862.742.856
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.620.000.000	5.620.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.000.000.000	21.637.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	6.000.000.000	21.637.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		350.998.320.468	388.503.393.126
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	139.732.563.102	159.151.123.907
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	162.348.714.137	110.481.110.811
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	11.275.578.494
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	68.291.436.255	107.595.579.914
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(19.374.393.026)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		191.909.447	69.176.295.721
1. Hàng tồn kho	141	V.7	191.909.447	69.176.295.721
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.999.394.982	2.373.267.389
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	436.666.764	408.993.517
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		436.829.679	679.629.854
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	1.125.898.539	1.284.644.018
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		338.331.699.978	335.053.876.540
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		191.792.055	191.792.055
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		191.792.055	191.792.055
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		216.187.311.223	205.624.421.513
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	214.483.977.860	203.870.439.094
<i>Nguyên giá</i>	222		254.193.450.769	230.607.334.452
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(39.709.472.909)	(26.736.895.358)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.703.333.363	1.753.982.419
<i>Nguyên giá</i>	228		2.048.268.888	2.048.268.888
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(344.935.525)	(294.286.469)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.733.090.909	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	7.733.090.909	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		15.000.000.000	19.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư khác vào công ty khác	253	V.12	15.000.000.000	19.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.117.963.704	787.613.446
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	1.117.963.704	787.613.446
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
VII. Lợi thế thương mại	269		98.101.542.087	109.450.049.526
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		707.893.009.185	855.226.575.632

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		157.712.746.707	289.986.504.894
I. Nợ ngắn hạn	310		113.068.201.283	243.281.279.423
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	40.637.247.752	87.129.620.713
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	8.067.053.275	108.309.142.589
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	7.039.669.581	15.901.687.501
4. Phải trả người lao động	314		503.620.860	1.061.450.238
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	1.714.415.364	232.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	21.086.960.676	680.040.171
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	34.019.233.775	29.967.338.211
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		44.644.545.424	46.705.225.471
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	43.006.544.000	45.817.520.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuê thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19	1.638.001.424	887.705.471
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		546.900.143.004	561.861.384.040
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	546.900.143.004	561.861.384.040
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
1a. <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		500.000.000.000	500.000.000.000
1b. <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		46.900.143.004	61.861.384.040
11a. <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		9.459.951.264	15.206.069.113
11b. <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		37.440.191.740	46.655.314.927
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIẾU SỐ	439		3.280.119.474	3.378.686.698
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		707.893.009.185	855.226.575.632

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Mai Đình Hanh
Người lập biếu



Mai Đình Hanh
Kế toán trưởng

Trần Đức Tuân
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B02-HN/DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	689.454.476.548	702.454.896.312
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		689.454.476.548	702.454.896.312
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	590.655.399.233	597.682.691.488
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		98.799.077.315	104.772.204.824
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.851.966.723	3.375.767.970
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	7.967.180.381	8.683.492.437
Trong đó: chi phí lãi vay	23		7.301.446.628	4.523.584.865
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	8.803.097.569	14.850.227.014
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	52.846.173.005	21.482.487.778
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.034.593.083	63.131.765.565
11. Thu nhập khác	31	VI.7	13.814.669.218	4.958.634.031
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.983.795.710	4.497.275.823
13. Lợi nhuận khác	40		10.830.873.508	461.358.208
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		41.865.466.591	63.593.123.773
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	3.674.978.898	15.089.197.881
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		750.295.953	887.705.471
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		37.440.191.740	47.616.220.421
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		37.538.758.964	46.655.314.927
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	62		(98.567.224)	960.905.494
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	751	1.189

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 03 năm 2017



Mai Đình Hanh
Người lập biểu

Mai Đình Hanh
Kế toán trưởng

Trần Đức Tuân
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B03-HN/DN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		41.865.466.591	63.593.123.773
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	13.529.682.338	10.784.462.221
- Các khoản dự phòng	03		19.374.393.026	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	260.625.458
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.169.022.843)	(3.330.390.777)
- Chi phí lãi vay	06		7.301.446.628	4.523.584.865
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		80.901.965.740	75.831.405.540
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		20.144.852.486	(302.717.506.888)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		68.984.386.274	85.134.344.005
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(155.232.806.966)	(61.642.134.361)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		10.990.483.934	(976.025.643)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(5.849.531.264)	(4.291.584.865)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(4.610.937.566)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		19.939.350.204	(213.272.439.778)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(33.370.439.543)	(33.023.162.948)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.101.172.229	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(65.487.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		15.637.000.000	32.574.421.506
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(19.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		4.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	2.034.605.175
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.632.267.314)	(82.901.136.267)

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	300.000.000.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19a, V.19b	70.655.985.479	167.105.792.105
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19a, V.19b	(69.415.065.915)	(133.320.933.894)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(36.659.061.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(35.418.141.436)	333.784.858.211
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(28.111.058.546)	37.611.282.166
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	38.482.742.856	898.568.887
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	(27.108.197)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	10.371.684.310	38.482.742.856

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Mai Đình Hanh
Người lập biểu

The stamp contains the following text:
 M.S.D.N: 3502233726 C.T.C.P.
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 OTRAN LOGISTICS
 HÀN THÀNH TBATB
 VŨNG TÀU
 Trần Đức Tuân
 Tổng giám đốc

Mai Đình Hanh
Kế toán trưởngTrần Đức Tuân
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B09-HN/DN**

(Ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN**1. Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ:**

Công ty Cổ phần Otran Logistics hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502233726 ngày 09 tháng 09 năm 2013, thay đổi lần gần nhất (lần thứ 03) ngày 11 tháng 08 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ của Công ty (theo Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần gần nhất) là 500.000.000.000 (năm trăm tỷ) đồng.

Trụ sở hoạt động chính: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh dịch vụ cảng và bến cảng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Mua nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đầu tư cải tạo đất và đầu tư các công trình hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng; Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đầu tư công trình hạ tầng để chuyển nhượng, cho thuê; thuê quyền sử dụng đất đã có hạ tầng để cho thuê lại; Cho thuê nhà ở; Cho thuê kho bãi, đỗ xe; Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê nhà có trang bị đặc biệt (phòng hòa nhạc, nhà hát, hội trường, phòng cưới, ...); Kinh doanh dịch vụ chợ và quản lý trung tâm thương mại;
- Xay xát và sản xuất bột thô (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (trừ chế biến bột cá) (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng, công nghiệp; máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; Mua bán vật tư, máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành dầu khí, ngành hàng hải;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Dịch vụ kiểm đếm, cân, đo, lấy mẫu hàng hóa; Đại lý khai thuế hải quan. Đại lý vận tải hàng hóa đường biển. Dịch vụ bao gói hàng hóa; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ cung ứng tải biển;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Chế biến và bảo quản rau quả (không được lập xưởng sản xuất trong khu dân cư; chỉ được phép hoạt động khi đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có Văn phòng đặt tại số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và có các công ty con sau đây:

- Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai – Địa chỉ : Cụm Công nghiệp Dốc 47, xã Tam Phước, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Công ty Cổ phần Otran Logistics Miền Bắc – Địa chỉ: Khu Công nghiệp Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh;
- Công ty Cổ phần Song Kim Lộc (Công ty con của Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai) – Địa chỉ: C4, đường 3, khu xưởng KIZUNA 2, Lô B4-3-7-8, KCN Tân Kim, ấp Tân Phước, Xã Tân Kim, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An.

6. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
- Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai	Cụm Công nghiệp Dốc 47, xã Tam Phước, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	97,00%	97,00%
- Công ty Cổ phần Otran Logistics Miền Bắc	Khu Công nghiệp Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	90,00%	90,00%
- Công ty Cổ phần Song Kim Lộc	C4, đường 3, khu xưởng KIZUNA 2, Lô B4-3-7-8, KCN Tân Kim, ấp Tân Phước, Xã Tân Kim, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An	96,03%	99,00%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Otran Logistic bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Otran Logistic và các đơn vị thành viên hạch toán độc lập do Công ty sở hữu và nắm quyền kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại trên cơ sở quyền lực trực tiếp hay gián tiếp, quy định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp để thu được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh. Báo cáo của các đơn vị thành viên sẽ tổng hợp từ ngày sự kiểm soát bắt đầu hiệu lực cho đến ngày kết thúc hiệu lực kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Otran Logistic, và các công ty con (Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai; Công ty Cổ phần Otran Logistic Miền Bắc; Công ty Cổ phần Song Kim Lộc) sau khi loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ và một số điều chỉnh khác theo quy định.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 24

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 03 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đèn bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất có thời hạn, thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của doanh nghiệp

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh trừ khi được vốn hóa theo quy định.

Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Các chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hóa các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được ghi sổ kế toán theo phương pháp giá gốc. Công ty mẹ chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần luỹ kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản góp vốn liên kết được

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tập đoàn vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 (một) năm hoặc trong 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 (một) năm hoặc trên 1 (một) chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn là các khoản chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty mẹ với thời hạn trên 01 năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Cụ thể:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian hữu dụng của chi phí. Thời gian phân bổ được xác định theo tính chất chi phí.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 25 tháng 08 năm 2015 và được phân bổ trong 10 năm

12. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiền hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo điểm 3 Điều 16 Nghị định 218/2013 ND-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 doanh nghiệp có dự án đầu tư mới tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất ưu đãi 17% trên thu nhập chịu thuế; Công ty được miễn thuế 02 năm kể từ năm 2014 và giảm 50% trong 04 năm kể từ năm 2016.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Khi bán hàng hóa, thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm tài chính thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Tài sản tài chính được phân loại và ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính không phái sinh có giá trị thanh toán cụ thể hoặc có thể xác định được và có ngày đáo hạn cụ thể mà công ty có ý định chắc chắn và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu:

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán:

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính không phái sinh được xác định là có sẵn để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh, các khoản đầu tư đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. Bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 “Thông tin về các bên liên quan” được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC “Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính” ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3.

22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.607.007.619	1.154.000.454
Tiền gửi ngân hàng	2.144.676.691	31.708.742.402
Tương đương tiền (*)	5.620.000.000	5.620.000.000
Cộng	10.371.684.310	38.482.742.856

(*) Là tiền gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn ngày 08/06/2015, kỳ hạn 01 tháng, lãi suất cố định 4.2%/năm. Khoản tiền gửi này nhằm mục đích bảo lãnh thực hiện hợp đồng dịch vụ cảng với Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Giá trị ghi sổ	Giá trị	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4 (*)	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 4	-	-	15.637.000.000	15.637.000.000
Cộng	6.000.000.000	6.000.000.000	21.637.000.000	21.637.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Là tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh 4 – Thành phố Hồ Chí Minh, kỳ hạn 01 năm, lãi suất 6%/năm theo các hợp đồng sau:

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Số tiền
15.908.001/HĐCC- OTRANLOGISTICS	06/02/2015	1.000.000.000
15.908.002/HĐCC- OTRANLOGISTICS	09/02/2015	1.000.000.000
15.908.003/HĐCC- OTRANLOGISTICS	12/02/2015	1.000.000.000
15.908.004/HĐCC- OTRANLOGISTICS	05/03/2015	1.000.000.000
15.908.005/HĐCC- OTRANLOGISTICS	11/03/2015	1.000.000.000
15.908.006/HĐCC- OTRANLOGISTICS	02/04/2015	1.000.000.000
Cộng		6.000.000.000

3. Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khách hàng là bên liên quan	38.527.376.131	8.983.012.634	44.837.532.835	-
- Công ty Cổ phần Otran Miền Nam	1.880.031.964	-	1.012.678.273	-
- Công ty TNHH Đầu tư VNC	17.077.870.029	8.884.752.008	18.877.870.029	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng Otran	9.724.923.473	-	21.742.595.793	-
- Công ty cổ phần Otran Việt Nam	3.874.234.893	-	2.934.038.636	-
- Công ty TNHH Thương mại và Kho vận Phú Thái	5.829.943.450	-	-	-
- Otran Singapore Pte Ltd	140.372.322	98.260.626	140.372.322	-
- Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	-	-	129.977.782	-
Phải thu khách hàng là đối tượng độc lập	101.205.186.971	5.391.380.392	114.313.591.072	-
- Công ty TNHH AP Commodities	38.616.719.242	-	95.412.719.242	-
- Công ty Cổ phần Vinagrains	30.613.442.893	-	-	-
- Valency International Trading Pte Ltd	9.030.807.171	-	-	-
- Đăng Thé Nam	6.100.000.000	3.050.000.000	6.250.252.050	-
- Peter Cremer (Singapore) GmbH	4.373.512.132	-	-	-
- Các khách hàng khác	12.470.705.533	2.341.380.392	12.650.619.780	-
Cộng	139.732.563.102	14.374.393.026	159.151.123.907	-

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán

Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Trả trước cho người bán là bên liên quan	147.526.868.602		- 103.048.776.628	
- Công ty Cổ phần Otran Miền Nam	146.498.408.450		- 94.179.830.416	
- Công ty Cổ Phần Otran Việt Nam			- 7.840.486.060	
- Vina Commodities Singapore Pte., Ltd	1.028.460.152		- 1.028.460.152	
Trả trước cho người bán là đối tượng độc lập	14.821.845.535		- 7.432.334.183	
- Công ty Cổ phần Vinagrains	13.405.558.000		-	
- Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải Nhật Hải Đăng	328.057.800		-	
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu giá Việt Nam	270.000.000		-	
- Công ty TNHH MTV Kiến trúc - Xây dựng Azahome	210.000.000		-	
- Công Ty TNHH TM Và DV Vận Tải Biển Toàn Phát	150.000.000		-	
- Các nhà cung cấp khác	458.229.735		- 7.432.334.183	
Cộng	162.348.714.137		- 110.481.110.811	

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Phải thu khác

5.1 Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	524.200.000	-	1.236.917.933	-
Các khoản ký quỹ, ký cược	365.378.600	-	6.000.000	-
Phải thu khác	67.401.857.655	5.000.000.000	106.352.661.981	-
<i>Phải thu khác của bên liên quan</i>	66.354.421.195	5.000.000.000	105.574.977.372	-
- Công ty Cổ phần Otran Việt Nam (*)	48.283.579.267	-	48.413.579.267	-
+ Phải thu chuyển nhượng cổ phần	48.000.000.000	-	48.000.000.000	-
+ Phải thu tiền chi hộ	283.579.267	-	413.579.267	-
- Công ty Cổ phần Otran Miền Nam	16.757.089.400	5.000.000.000	-	-
+ Phải thu khác (**)	10.000.000.000	5.000.000.000	-	-
+ Phải thu tiền chi hộ	6.757.089.400	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Muối Miền Nam (**)	-	-	10.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng Otran	1.313.752.528	-	45.865.612.503	-
- Phải thu tiền lãi vay ông Trần Đức Tuân	-	-	1.295.785.602	-
<i>Phải thu khác của đối tượng độc lập</i>	1.047.436.460	-	777.684.609	-
- Nguyễn Thị Lan	400.000.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	647.436.460	-	777.684.609	-
Cộng	68.291.436.255	5.000.000.000	107.595.579.914	-

(*) Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Otran Việt Nam về việc chuyển nhượng 1.200.000 cổ phần với giá trị 48.000.000.000 đồng của Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2015/HĐCN ngày 25 tháng 08 năm 2015. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 việc chuyển nhượng này chưa hoàn tất, tuy nhiên theo quy định tại Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2015/HĐCN ngày 25 tháng 08 năm 2015, việc chuyển nhượng tối đa trong thời gian là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

(**) Là khoản phải thu Công ty Cổ phần Miền Nam theo biên bản cấn trừ công nợ ba bên giữa Công ty Cổ phần Otran Logistics, Công ty Cổ phần Otran Miền Nam và Công ty Cổ phần Tập đoàn Muối Miền Nam.

5.2 Phải thu khác dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tiền đặt cọc thuê căn phòng tòa nhà Rê Tower	191.792.055	191.792.055	191.792.055	191.792.055
Cộng	191.792.055	191.792.055	191.792.055	191.792.055

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Nợ phải thu quá hạn

Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi được
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	37.936.601.855	18.562.208.829	-	-
Ngân hạn	37.936.601.855	18.562.208.829	-	-
- Công ty Cổ phần Otran Miền Nam	10.000.000.000	5.000.000.000	-	-
- Đặng Thế Nam	6.100.000.000	3.050.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư VNC	17.077.870.029	8.193.118.021	-	-
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn T&T	629.281.866	188.784.560	-	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn muối Miền Nam	701.699.178	444.505.322	-	-
- Vina Commodities Singapore	140.372.322	42.111.697	-	-
- Khách hàng mua lẻ	3.287.378.460	1.643.689.229	-	-
Cộng	37.936.601.855	18.562.208.829	-	-

Tình hình biến động của các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng trong năm	19.374.393.026	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số cuối năm	19.374.393.026	-

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	164.465.994	-	224.560.505	-
Công cụ, dụng cụ	27.443.453	-	13.976.923	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	32.252.116.598	-
Hàng hóa	-	-	36.685.641.695	-
Cộng	191.909.447	-	69.176.295.721	-

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	276.593.342	408.993.517
Chi phí khác	160.073.422	-
Cộng	436.666.764	408.993.517

b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	327.281.364	787.613.446
Chi phí khác	790.682.340	-
Cộng	1.117.963.704	787.613.446

c. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	109.450.049.526	-
Tăng trong năm	-	113.485.074.393
Phân bổ trong năm	(11.348.507.439)	(4.035.024.867)
Số cuối năm	98.101.542.087	109.450.049.526

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Máy móc và thiết bị (*)	Phương tiện vận tải, truyền đẫn (**)	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	202.304.824.559	16.793.676.973	9.218.904.164	1.076.569.408	1.213.359.348	230.607.334.452
Tăng trong năm	18.252.330.452	4.876.272.728	2.508.745.454	-	-	25.637.348.634
Mua sắm mới	-	4.876.272.728	2.508.745.454	-	-	7.385.018.182
Xây dựng cơ bản hoàn thành	18.252.330.452	-	-	-	-	18.252.330.452
Giảm trong năm	-	(2.051.232.317)	-	-	-	(2.051.232.317)
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.051.232.317)	-	-	-	(2.051.232.317)
Số cuối năm	220.557.155.011	19.618.717.384	11.727.649.618	1.076.569.408	1.213.359.348	254.193.450.769
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	70.500.000	34.300.000	-	524.548.861	340.750.868	970.099.729
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	20.491.497.330	3.881.185.006	1.302.078.928	724.763.883	337.370.211	26.736.895.358
Tăng trong năm	9.875.200.690	2.050.495.549	1.172.438.618	226.018.683	154.879.742	13.479.033.282
Khấu hao trong năm	9.875.200.690	2.050.495.549	1.172.438.618	226.018.683	154.879.742	13.479.033.282
Giảm trong năm	-	(506.455.731)	-	-	-	(506.455.731)
Thanh lý, nhượng bán	-	(506.455.731)	-	-	-	(506.455.731)
Số cuối năm	30.366.698.020	5.425.224.824	2.474.517.546	950.782.566	492.249.953	39.709.472.909
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	181.813.327.229	12.912.491.967	7.916.825.236	351.805.525	875.989.137	203.870.439.094
Số cuối năm	190.190.456.991	14.193.492.560	9.253.132.072	125.786.842	721.109.395	214.483.977.860

(*) Phương tiện vận tải là 02 ô tô tải ben Shacman M3000 có tổng nguyên giá 2.454.545.454 đồng được thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn. Xem thuyết minh V.19b.

(**) Máy móc thiết bị là 02 xúc lật có tổng nguyên giá 2.300.000.000 đồng được thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vũng Tàu. Xem tại thuyết minh V.19b.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(**) Phương tiện vận tải với nguyên giá 5.290.909.092 đồng được thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ. Xem tại thuyết minh V.19b.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.000.000.000	48.268.888	2.048.268.888
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	2.000.000.000	48.268.888	2.048.268.888
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	48.268.888	48.268.888
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	256.666.641	37.619.828	294.286.469
Tăng trong năm	39.999.996	10.649.060	50.649.056
<i>Khấu hao trong năm</i>	<i>39.999.996</i>	<i>10.649.060</i>	<i>50.649.056</i>
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	296.666.637	48.268.888	344.935.525
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.743.333.359	10.649.060	1.753.982.419
Số cuối năm	1.703.333.363	-	1.703.333.363

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Chi phí xây dựng nhà kho	-	25.985.421.361	(18.252.330.452)	7.733.090.909
Cộng	-	25.985.421.361	(18.252.330.452)	7.733.090.909

12. Đầu tư vào công ty khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Năng lượng Otran ^(*)	15.000.000.000	-	(**)	19.000.000.000	-	(**)
Cộng	15.000.000.000	-	15.000.000.000	19.000.000.000	-	19.000.000.000

(*) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Otran theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3502253578 ngày 16/05/2014 (thay đổi lần gần nhất ngày 13/08/2015) với số lượng cổ phiếu đầu tư là 1.500.000 cổ phiếu, chiếm 15,00% vốn thực góp đến 31/12/2016.

(**) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính của các Công ty trên và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính nêu trên có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Phải trả người bán

Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn là bên liên quan	22.604.879.457	22.604.879.457	22.741.307.880	22.741.307.880
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Quang Minh	19.085.600.839	19.085.600.839	19.085.600.839	19.085.600.839
- Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	2.027.517.223	2.027.517.223	1.810.380.141	1.810.380.141
- Công ty Cổ phần Năng lượng Otran	220.000.000	220.000.000	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư VNC	144.462.000	144.462.000	144.462.000	144.462.000
Công ty TNHH Thương mại và Kho vận Phú Thái	56.115.820	56.115.820	1.635.864.900	1.635.864.900
- Công ty Cổ phần Otran Việt Nam	1.071.183.575	1.071.183.575	-	-
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Otran	-	-	65.000.000	65.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn là đối tượng độc lập	18.032.368.295	18.032.368.295	64.388.312.833	64.388.312.833
- Công ty Cổ phần Vinagrains	434.000.337	434.000.337	16.882.798.510	16.882.798.510
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Muối Miền Nam	-	-	15.648.652.434	15.648.652.434
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Dịch vụ Tín Trường An	3.804.486.006	3.804.486.006	-	-
- Công ty TNHH Cảng Quốc tế SP-PSA	3.483.187.684	3.483.187.684	4.551.251.788	4.551.251.788
- Công ty TNHH Thoresen Vinama	616.780.537	616.780.537	-	-
- Doanh nghiệp Tư nhân Phú Linh Trí	492.473.462	492.473.462	-	-
- Doanh nghiệp Tư nhân Giang Huy	403.575.612	403.575.612	-	-
- Các nhà cung cấp khác	8.797.864.657	8.797.864.657	27.305.610.101	27.305.610.101
Cộng	40.637.247.752	40.637.247.752	87.129.620.713	87.129.620.713

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước

Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước là bên liên quan	6.824.374.637	96.898.609.858
Công ty Cổ phần Otran Miền Nam	4.752.100.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Otran	-	93.592.535.221
Công ty Cổ phần Otran Việt Nam	2.072.274.637	2.772.274.637
Công ty TNHH Thương mại và Kho vận Phú Thái	-	533.800.000
Người mua trả tiền trước là đối tượng độc lập	1.242.678.638	11.410.532.731
Các khách hàng khác	1.242.678.638	11.410.532.731
Cộng	8.067.053.275	108.309.142.589

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Thuế giá trị gia tăng	459.430.523	459.430.523	449.963.580	449.963.580
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.461.027.555	4.461.027.555	15.404.601.411	15.404.601.411
Thuế thu nhập cá nhân	1.586.734.615	1.586.734.615	47.122.510	47.122.510
Các loại thuế khác	532.476.888	532.476.888	-	-
Cộng	7.039.669.581	7.039.669.581	15.901.687.501	15.901.687.501

Tình hình biến động các khoản thuế phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số đã nộp	Điều chỉnh khác (*)	Phải nộp	Phải thu
Công ty Cổ phần Otran Logistic	8.573.988.948	-	6.714.536.356	(1.799.529.755) (12.854.720.422)	1.760.173.666	1.125.898.539
Thuế giá trị gia tăng	85.219.830	-	1.719.643.172	(1.631.423.951)	173.439.051	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.441.646.608	-	3.287.175.275	-	(12.854.720.422)	- 1.125.898.539
Thuế thu nhập cá nhân	47.122.510	-	1.704.717.909	(165.105.804)	-	1.586.734.615
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai	6.204.701.493	1.284.644.018	7.876.159.404	(10.043.682.516) (1.274.309.457)	4.047.447.510	65.432
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	6.642.237.734	(6.642.237.734)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.204.701.493	-	-	(2.700.000.000)	10.269.129	3.514.970.622
Thuế thu nhập cá nhân	-	65.432	-	-	-	65.432
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.284.578.586	-	-	(1.284.578.586)	-
Các loại thuế khác	-	-	1.233.921.670	(701.444.782)	-	532.476.888
Công ty Cổ phần Otran Logistic Miền Bắc	1.122.997.060	-	3.236.650.577	(3.127.599.232)	-	1.232.048.405
Thuế giá trị gia tăng	364.743.750	-	2.845.846.954	(2.924.599.232)	-	285.991.472
Thuế thu nhập doanh nghiệp	758.253.310	-	387.803.623	(200.000.000)	-	946.056.933
Thuế, phí khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Công ty Cổ phần Song Kim Lộc	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Thuế, phí khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	15.901.687.501	1.284.644.018	17.830.346.337	(14.973.811.503) (14.129.029.879)	7.039.669.581	1.125.963.971

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2015 và thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa năm 2014 theo tờ khai tự quyết toán thuế của Công ty.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp giảm trong năm số tiền 8.441.646.608 đồng do quyết toán lại theo hướng dẫn tại điểm 3 Điều 16 của Nghị định 218/2013 ND-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 doanh nghiệp có dự án đầu tư mới tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, Công ty được miễn thuế 02 năm kể từ năm 2014 và giảm 50% trong 04 năm kể từ năm 2016.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN phát sinh tại Công ty Cổ phần Otran Logistic	3.287.175.275	8.001.363.107
Chi phí thuế TNDN phát sinh tại Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai	-	6.232.121.464
Chi phí thuế TNDN phát sinh tại Công ty Cổ phần Otran Logistic Miền Bắc	387.803.623	855.713.310
Chi phí thuế TNDN phát sinh tại Công ty Cổ phần Song Kim Lộc	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.674.978.898	15.089.197.881

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. Chi phí phải trả

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số có khả năng trả nợ		Số có khả năng trả nợ	
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Giá trị
Chi phí lãi vay phải trả	1.714.415.364	1.714.415.364	232.000.000	232.000.000
Cộng	1.714.415.364	1.714.415.364	232.000.000	232.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Phải trả khác

Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả ngắn hạn khác cho bên liên quan	19.879.181.157	19.879.181.157	-	-
Phải trả cổ tức các cổ đông	15.840.939.000	15.840.939.000	-	-
Công ty TNHH Đầu tư VNC Trần Văn Toàn	8.400.000.000	8.400.000.000	-	-
Trần Mạnh Đảo	2.493.750.000	2.493.750.000	-	-
Trần Thị Mận	2.244.375.000	2.244.375.000	-	-
Các cổ đông khác	458.439.000	458.439.000	-	-
Phải trả khác	4.038.242.157	4.038.242.157	-	-
Trần Đức Tuân	4.038.242.157	4.038.242.157	-	-
Phải trả ngắn hạn khác cho đối tượng độc lập	1.207.779.519	1.207.779.519	680.040.171	680.040.171
Bảo hiểm xã hội	5.192.501	5.192.501	12.399.267	12.399.267
Nhận ký quỹ, ký cược	888.000.000	888.000.000	-	-
Lãi chậm nộp thuế TNDN, GTGT	-	-	244.657.129	244.657.129
Các khoản phải trả khác	<u>314.587.018</u>	<u>314.587.018</u>	<u>422.983.775</u>	<u>422.983.775</u>
Cộng	<u>21.086.960.676</u>	<u>21.086.960.676</u>	<u>680.040.171</u>	<u>680.040.171</u>

18. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 - TP.HCM (*)	28.979.233.775	28.979.233.775	29.967.338.211	29.967.338.211
Ngân hàng Malayan Banking Berhad thành phố Hồ Chí Minh (**)	5.040.000.000	5.040.000.000	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả 12 tháng tới	<u>5.040.000.000</u>	<u>5.040.000.000</u>	-	-
Cộng	<u>34.019.233.775</u>	<u>34.019.233.775</u>	<u>29.967.338.211</u>	<u>29.967.338.211</u>

(*) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 theo Hợp đồng vay số 01/2016-HĐTDHM/NHCT908-OTRANLOGISTICS ký ngày 14 tháng 04 năm 2016. Hạn mức vay là 30.000.000.000 đồng. Thời hạn vay từ ngày 14/04/2016 đến ngày 15/04/2017. Mục đích vay: Để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh dịch vụ logistics (dịch vụ cảng, bến cảng, vận tải, kho bãi và lưu giữ hàng hóa). Lãi suất cho vay là lãi suất được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng tài sản, chi phí đầu tư số 06/HĐKT/VRC/2013 số 14.048.001/HĐTC-OTRAN LOGISTICS ngày 27/11/2014;
- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 14.048.002/HĐTC- OTRAN LOGISTIC ngày 27/11/2014;

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Hợp đồng thế chấp động sản số 14.048.003/HĐTC-OTRAN LOGISTICS ngày 27/11/2014;
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 14.048.004/HĐTC-OTRAN LOGISTICS ngày 27/11/2014;
- Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 15.048.005/HĐTC-OTRAN LOGISTICS ngày 02/02/2015.

(**) Xem chi tiết V19.b

Tình hình biến động các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	29.967.338.211	-
Tiền vay đã nhận trong năm	65.876.385.479	162.015.792.105
Tiền vay đã trả trong năm	(66.864.489.915)	(132.048.453.894)
Tăng từ vay dài hạn đến hạn trả 12 tháng tới	5.040.000.000	-
Số cuối năm	34.019.233.775	29.967.338.211

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn (**)	1.566.664.000	1.566.664.000	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vũng Tàu (**)	1.101.000.000	1.101.000.000	-	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ (***)	2.120.880.000	2.120.880.000	3.817.520.000	3.817.520.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Hà Nội (****)	1.258.000.000	1.258.000.000	-	-
Ngân hàng Malayan Banking Berhad thành phố Hồ Chí Minh (*****)	36.960.000.000	36.960.000.000	42.000.000.000	
- Nợ gốc vay	42.000.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000
- Vay dài hạn đến hạn trả 12 tháng tới	(5.040.000.000)	(5.040.000.000)	-	-
Cộng	43.006.544.000	43.006.544.000	45.817.520.000	3.817.520.000

(*) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng số 2000 - LDS - 201603784 ngày 29 tháng 03 năm 2016. Hạn mức vay 1.880.000.000 VND. Thời hạn là 48 tháng. Lãi suất: 8,5%/năm. Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua 2 xe ô tô tải ben Shacman M3000, xuất xứ Trung Quốc, mới 100% cho Công ty TNHH Ri Ta Võ theo hợp đồng bán số TUVAY0511/RTV-OL ngày 05 tháng 11 năm 2015 mang biển số đăng ký 71C-078.86, 72C-071.62.

(**) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vũng Tàu theo hợp đồng vay số SME/VTU/16/0005/HDTD ngày 07/03/2016. Hạn mức vay 1.390.000.000 đồng. Thời hạn 48 tháng tính từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Lãi suất : 10,5%. Mục đích vay để mua 2 xe xúc lật LiuGong ZL50CN theo hợp đồng kinh tế số 492/HA-05R/2015 ngày 30/10/2015 giữa khách hàng và công ty TNHH Máy Xây dựng Hải Âu. Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp xe ô tô số SME/VTU/16/0005/HDTG ngày 07 tháng 03 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(**) Là khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam theo Hợp đồng vay số 01/2015/6891002/HĐTD ký ngày 12/02/2015. Hạn mức vay 5.090.000.000 đồng. Mục đích vay để mua xe tải tự đổ. Thời hạn vay là 36 tháng kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực. Lãi suất vay 10%/năm (được áp dụng tới ngày 12/08/2015) sau đó được điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo lãi suất của BIDV tại thời điểm điều chỉnh. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp xe tải tự đổ theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 004813, 004812, 004814, 004815, 004816 do CA tỉnh BRVT cấp ngày 11/02/2015, biển số số 72C-05544, 72C-05443, 72C-05510, 72C-05613.

(***) Là khoản vay trung dài hạn của Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 183.16.0001/HĐTD_TL. Số tiền vay là 1.509.600.000 đồng. Mục đích vay để đầu tư tài sản cố định (02 máy xúc lật bánh lốp nhãn hiệu Liugong) phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay và thời hạn điều chỉnh lãi suất cho vay được quy định trên từng bảng kê rút vốn. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay. Khoản vay này được đảm bảo là 02 máy xúc lật bánh lốp mới 100% nhãn hiệu Liugong ZL50CN công suất 162Kw sản xuất năm 2015 được hình thành từ vốn vay.

(****) Là khoản vay tín chấp ngân hàng Malayan Banking Berhad tại Thành Phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng số MBB/HCMC/LO/2014/VDNC/01. Hạn mức tín dụng 2.100.000 USD. Lãi suất 0,1%/năm. Mục đích vay. Để mua, nhập khẩu nguyên vật liệu.

Tình hình biến động các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Nhận tiền vay trong năm	Trả tiền vay trong năm	Chuyển vay dài hạn đến hạn trả sang vay ngắn hạn	Số cuối năm
				hạn	
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	-	1.880.000.000	(313.336.000)	-	1.566.664.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vũng Tàu	-	1.390.000.000	(289.000.000)	-	1.101.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Mỹ	3.817.520.000	-	(1.696.640.000)	-	2.120.880.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Hà Nội	-	1.509.600.000	(251.600.000)	-	1.258.000.000
Ngân hàng Malayan Banking Berhad thành phố Hồ Chí Minh	42.000.000.000	-	-	(5.040.000.000)	36.960.000.000
Cộng	45.817.520.000	4.779.600.000	(2.550.576.000)	(5.040.000.000)	43.006.544.000

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	887.705.471	-
Thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	750.295.953	887.705.471
Khoản hoãn nhập thuế TNDN hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	-	-
Số cuối năm	1.638.001.424	887.705.471

20. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đồng không kiểm soát	Công
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	15.206.069.113	-	215.206.069.113
Tăng vốn trong năm trước	300.000.000.000	-	-	300.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	46.655.314.927	960.905.494	47.616.220.421
Tăng vốn góp của Cổ đông không kiểm soát Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai	-	-	900.000.000	900.000.000
Tăng lợi nhuận chưa phân phối của Cổ đông không kiểm soát Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai tại ngày mua	-	-	17.781.204	17.781.204
Tăng vốn góp của Cổ đông không kiểm soát Công ty Cổ phần Otran Logistic Miền Bắc	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000
Số dư cuối năm trước	500.000.000.000	61.861.384.040	3.378.686.698	565.240.070.738
Số dư đầu năm	500.000.000.000	61.861.384.040	3.378.686.698	565.240.070.738
Chia cổ tức năm 2015	-	(52.500.000.000)	-	(52.500.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	37.538.758.964	(98.567.224)	37.440.191.740
Số dư cuối kỳ	500.000.000.000	46.900.143.004	3.280.119.474	550.180.262.478

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	500.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	300.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	500.000.000.000	500.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	689.454.476.548	702.454.896.312
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	496.592.692.581	528.524.016.743
Doanh thu dịch vụ khai thác cảng, kho	99.089.104.421	114.225.575.323
Doanh thu dịch vụ kho bãi (lưu kho, thuê kho và dịch vụ khác)	78.557.724.254	35.483.871.822
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	12.592.602.167	19.005.999.651
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	2.622.353.125	5.215.432.773
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần	689.454.476.548	702.454.896.312

Doanh thu với các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Otran Miền Nam	98.711.584.743	125.741.545.688
Công ty Cổ phần Otran Việt Nam	30.116.863.588	1.971.198.368
Công ty Cổ phần Năng lượng Otran	181.323.286.415	81.204.678.495
Công ty Cổ Phàn Cảng Tổng hợp Thị Vải	-	118.161.620
Công ty Cổ Phàn Otran Hưng Yên	-	2.120.452.980
Công ty TNHH Thương mại và Kho vận Phú Thái	6.693.882.492	77.854.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư VNC	-	158.813.007.770
Cộng	316.845.617.238	447.823.244.921

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn cung cấp hàng hóa, thành phẩm	464.340.716.244	462.711.614.678
Giá vốn cung cấp dịch vụ khai thác cảng, kho	84.257.918.220	90.368.301.511
Giá vốn cung cấp dịch vụ kho bãi (lưu kho, thuê kho và dịch vụ khác)	30.296.921.589	29.337.269.780
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận chuyển	11.179.662.789	11.894.347.273
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	580.180.391	3.371.158.246
Cộng	590.655.399.233	597.682.691.488

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền cho vay	-	2.769.662.466
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.612.627.200	560.728.311
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	82.349.248	25.937.284
Chênh lệch tỷ giá	156.990.275	19.439.909
Cộng	1.851.966.723	3.375.767.970

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.301.446.628	4.523.584.865
Lãi chậm thanh toán	-	2.025.375.289
Lỗ chênh lệch tỷ giá	555.608.788	2.133.403.707
Chi phí khác	110.124.965	1.128.576
Cộng	7.967.180.381	8.683.492.437

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.577.893.361	2.065.628.964
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.256.766.269	1.110.670.539
Chi phí khấu hao tài sản cố định	539.048.450	406.828.056
Chi phí dịch vụ mua ngoài	816.447.475	7.098.471.993
Chi phí bán hàng bằng tiền khác	3.612.942.014	4.168.627.462
Cộng	8.803.097.569	14.850.227.014

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	6.337.199.262	4.978.969.081
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.099.140.827	1.607.592.521
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.014.409.667	3.096.892.610
Thuế, phí và lệ phí	196.959.405	507.624.567
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	19.374.393.026	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.437.792.480	2.478.826.869
Phân bổ lợi thế thương mại	11.348.507.439	4.035.024.867
Chi phí bằng tiền khác	7.037.770.899	4.777.557.263
Cộng	52.846.173.005	21.482.487.778

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN phải nộp được miễn giảm theo quyết toán thuế.	12.854.720.422	-
Thu nhập khác	959.948.796	4.958.634.031
Cộng	13.814.669.218	4.958.634.031

(*) Thuế TNDN phải nộp năm 2015 và thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa năm 2014 theo tờ khai tự quyết toán thuế của Công ty.

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Lỗ từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	450.022.707	-
Chi phí truy thu, nộp phạt thuế, BHXH	1.420.541.581	-
Chi phí khác	1.113.231.422	4.497.275.823
Cộng	2.983.795.710	4.497.275.823

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	37.538.758.964	46.655.314.927
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	37.538.758.964	46.655.314.927
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	50.000.000	39.253.585
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	751	1.189

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**1. Các giao dịch không bằng tiền**

	Năm nay	Đơn vị tính: VND	Năm trước
Lãi tiền cho vay chưa thu	-	1.295.785.602	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn chưa thu	596.040.000	-	-
Cỗ tức chưa chia	15.840.939.000	-	-
Lãi vay chưa trả	1.451.915.364	-	-
Phải trả nhà cung cấp xây dựng cơ bản chưa trả	4.029.933.695	-	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm nay

Thu nhập	834.255.145
----------	-------------

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với thành viên chủ chốt như sau:

Phải trả tiền mượn	4.038.242.157	-
Cộng các khoản phải trả	4.038.242.157	-

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Otran Miền Nam	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Otran Việt Nam	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Thực phẩm Otran	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Năng lượng Otran	Cùng thành viên quản lý chủ chốt, Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Vina Commodities Singapore Ltd	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư VNC	Thành viên quản lý chủ chốt có mối liên hệ mật thiết trong gia đình
Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai	Công ty con
Công ty Cổ phần Otran Logistics Miền Bắc	Công ty con
Công ty Cổ phần Song Kim Lộc	Công ty con của Công ty Cổ phần Otran Đồng Nai
Công ty TNHH Thương mại và Kho vận Phú Thái	Cùng thành viên quản lý chủ chốt, cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Quang Minh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

4. Thông tin khả năng hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: VND

	Giá trị kế toán		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.371.684.310	38.482.742.856	10.371.684.310	38.482.742.856
Phải thu khách hàng	139.732.563.102	159.151.123.907	125.358.170.076	159.151.123.907
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.000.000.000	21.637.000.000	6.000.000.000	21.637.000.000
Phải thu về cho vay	-	11.275.578.494	-	11.275.578.494
Các khoản phải thu khác	68.483.228.310	107.787.371.969	63.483.228.310	107.787.371.969
Cộng	224.587.475.722	338.333.817.226	205.213.082.696	338.333.817.226
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	40.637.247.752	87.129.620.713	40.637.247.752	87.129.620.713
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.039.669.581	15.901.687.501	7.039.669.581	15.901.687.501
Phải trả người lao động	503.620.860	1.061.450.238	503.620.860	1.061.450.238
Chi phí phải trả	1.714.415.364	232.000.000	1.714.415.364	232.000.000
Phải trả khác	21.086.960.676	680.040.171	21.086.960.676	680.040.171
Vay và nợ thuê tài chính	77.025.777.775	75.784.858.211	77.025.777.775	75.784.858.211
Cộng	148.007.692.008	180.789.656.834	148.007.692.008	180.789.656.834

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

Đơn vị tính: VND

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.371.684.310	-	10.371.684.310
Phải thu khách hàng	125.358.170.076	14.374.393.026	139.732.563.102
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Phải thu về cho vay	-	-	-
Các khoản phải thu khác	63.483.228.310	5.000.000.000	68.483.228.310
Cộng	205.213.082.696	19.374.393.026	224.587.475.722
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.482.742.856	-	38.482.742.856
Phải thu khách hàng	159.151.123.907	-	159.151.123.907
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	21.637.000.000	-	21.637.000.000
Phải thu về cho vay	11.275.578.494	-	11.275.578.494
Các khoản phải thu khác	107.787.371.969	-	107.787.371.969
Cộng	338.333.817.226	-	338.333.817.226

7. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả cho người bán	40.637.247.752	-	40.637.247.752
Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	7.039.669.581	-	7.039.669.581
Phải trả người lao động	503.620.860	-	503.620.860
Chi phí phải trả	1.714.415.364	-	1.714.415.364
Phải trả khác	21.086.960.676	-	21.086.960.676
Vay và nợ thuê tài chính	34.019.233.775	43.006.544.000	77.025.777.775
Cộng	105.001.148.008	43.006.544.000	148.007.692.008
Số đầu năm			
Phải trả cho người bán	87.129.620.713	-	87.129.620.713
Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	15.901.687.501	-	15.901.687.501
Phải trả người lao động	1.061.450.238	-	1.061.450.238
Chi phí phải trả	232.000.000	-	232.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	680.040.171	-	680.040.171
Vay và nợ thuê tài chính	29.967.338.211	45.817.520.000	75.784.858.211
Cộng	134.972.136.834	45.817.520.000	180.789.656.834

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty có phát sinh giao dịch mua dịch vụ bằng USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với tỷ giá hối đoái vì rủi ro do thay đổi tỷ giá hối đoái tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

9. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính hợp nhất nội bộ của Công ty.

Kết quả kinh doanh bao gồm các khoản có liên quan trực tiếp đến bộ phận và các khoản có thể phân bổ được trên một cơ sở hợp lý. Các khoản không phân bổ được bao gồm các tài khoản tạo thu nhập và doanh thu, các khoản vay chịu lãi, và chi phí chung của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN OTRAN LOGISTICS

Địa chỉ: Đường số 4, Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về lĩnh vực kinh doanh trong năm của Công ty như sau:

Bán hàng hóa	Dịch vụ khai thác cảng, kho	Dịch vụ kho bãi (lưu kho, thuê kho và dịch vụ khác)	Dịch vụ vận chuyển	Dịch vụ khác	Cộng	
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ theo bộ phận	496.592.692.581	99.089.104.421	78.557.724.254	12.592.602.167	2.622.353.125	689.454.476.548
Giá vốn hàng bán theo bộ phận	(464.340.716.244)	(84.257.918.220)	(30.296.921.589)	(11.179.662.789)	(580.180.391)	(590.655.399.233)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ theo bộ phận	32.251.976.337	14.831.186.201	48.260.802.665	1.412.939.378	2.042.172.734	98.799.077.315
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(61.649.270.574)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						37.149.806.741
Doanh thu tài chính						1.851.966.723
Chi phí tài chính						(7.967.180.381)
Thu nhập khác						13.814.669.218
Chi phí khác						(2.983.795.710)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(3.674.978.898)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(750.295.953)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						37.440.191.740

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 30 tháng 03 năm 2017

